

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 01 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thương.

2. Ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 419/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Số X, đường Y, khu phố Z, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Trần Minh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 25/6/2020, đăng ký kết hôn số 83. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên ăn nhậu, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên xúc phạm, đánh đập chị. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 10/4/2021. Từ khi ly thân đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Do cháu M thường xuyên bị bệnh nên chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị hiện làm giáo viên tại trường mẫu giáo Sao Mai tại thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, thu nhập hàng tháng khoản 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/12/2021, bị đơn anh Trần Minh T đã trình bày:

- Anh có hộ khẩu thường trú tại tổ F, khu phố Z, thị trấn V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Anh và chị N là vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 25/6/2020, đăng ký kết hôn số 83. Cuộc sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì hết, chỉ là những tháng gần đây anh đi làm nhưng không có thu nhập, dẫn đến không đủ trang trải cuộc sống gia đình nên vợ chồng phát sinh cãi vã. Chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không lên Tòa án để hòa giải, để cho chị N tự giải quyết.

- Anh chị có 01 con chung là Trần Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 10/4/2021. Hiện cháu M đang sống với chị N. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con; nếu Tòa án giải quyết cho chị N trực tiếp nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng.

- Hiện nay, anh có mở garage sửa xe ô tô. Tuy nhiên, do dịch bệnh nên thu nhập không ổn định, trước đây thu nhập bình quân hàng tháng của anh khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Huỳnh Thị Ngọc N ly hôn anh Trần Minh T. Về con chung, giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 10/4/2021; buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc N và anh Trần Minh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 25/6/2020, đăng ký kết hôn số 83. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị N đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của nguyên đơn và bị đơn, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho anh T lên Tòa án tham gia hòa giải nhưng anh không tham gia, để mặc cho chị N tự giải quyết, chứng tỏ anh không có ý định níu kéo cuộc hôn nhân này. Từ những phân tích trên, thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy xử cho chị N ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 10/4/2021. Từ khi ly thân tới nay, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Thấy rằng, chị N có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Về cấp dưỡng: Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, quy định cha, mẹ không sống chung với con chưa thành niên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Việc anh T trình bày không đồng ý cấp dưỡng nuôi con là không được chấp nhận.

Chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Thấy rằng, cháu M còn nhỏ, thường xuyên bị bệnh, yêu cầu của chị N là phù hợp với mức sống tại địa phương, đủ để đảm bảo cho cháu M phát triển về vật chất và tinh thần. Do đó, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là phù hợp.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không phải xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị N là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí DSST về ly hôn; anh T phải chịu án phí DSST về cấp dưỡng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 110, 116, 117 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc N ly hôn anh Trần Minh T.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 10/4/2021. Anh Trần Minh T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST:

Chị Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005739 ngày 09 tháng 12 năm 2021. Chị N đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng, án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn V;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa